

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/DS-ST
Ngày: 25 – 12 – 2020
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Từ Văn Nhút**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Ông Lại Thiện Phong;**

2. **Bà Ngô Hồng Xuân.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Kim Phương - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:* Bà Lê Huyền Mao - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2020/TLST-DS, ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà **Nguyễn Thị Thu L**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

2. *Đồng bị đơn:* bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1977 và ông **Bùi Rạng Đ**, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Nguyên đơn có mặt; Đồng bị đơn ông Bùi Rạng Đ và bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thu L trong đơn khởi kiện ngày 30/9/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay như sau:

Ngày 30 tháng 9 năm 2015 (nhằm ngày 11/11/2015 dương lịch) bà Nguyễn Thị T có làm chủ 03 dây hui, hui 1.000.000đ/tháng, bà L có tham gia chơi 01 chân, chân hui có tất cả 24 phần, trong đó có 21 hui viên tham gia, bà L đã đóng hui được 22 kỳ thì bà Tại tuyên bố bế hui, dây hui này còn 02 kỳ nữa là mãng hui. (Trong bản án hình sự số 10 ngày 21 tháng 5 năm 2020 phần 03 dây hui không truy cứu

trách nhiệm hình sự đối với bà Tại thì đây là đây hội thứ nhất). Chân hội này nếu như bà L hốt sẽ được số tiền 22.000.000đ, nhưng đến nay thì bà Tại vẫn chưa có trả số tiền này cho bà L. Trước đây, trong vụ án hình sự các hội viên và bà Tại đã thỏa thuận 70% trên tổng số tiền hội này, nên nay bà Nguyễn Thị Thu L yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T và chồng là ông Bùi Rạng Đ cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền 15.400.000đ, bà L không có yêu cầu tính lãi suất phát sinh. Ngoài ra, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại biên các bản lấy lời khai đề ngày 02/10/2020 và ngày 04/12/2020 đồng bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thu L, bà Nguyễn Thị T thừa nhận có làm chủ hội, bà Nguyễn Thị Thu L có tham gia chơi 01 chân, số tiền chung hội này nếu như bà L được hốt sẽ được 22.000.000đ, bà Tại đồng ý thỏa thuận 70% trên tổng số tiền hội đã thiếu bà L. Nay bà Nguyễn Thị Thu L yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T và chồng là ông Bùi Rạng Đ cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền 15.400.000đ và không có yêu cầu tính lãi suất phát sinh thì bà Tại đồng ý. Do hiện tại bà Nguyễn Thị T đang bị tạm giam, vụ án cũng đã rõ, bà Tại cũng không có tài liệu, chứng cứ gì mới nên bà có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Tại biên các bản lấy lời khai đề ngày 20/10/2020, 10/11/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 27/10/2020 đồng bị đơn ông Bùi Rạng Đ trình bày: ông là chồng của bà Nguyễn Thị T, ông thừa nhận là ông có biết việc bà Tại có làm chủ hội, và bà Nguyễn Thị Thu L có tham gia chơi hội với bà Tại. Tuy nhiên, số tiền chơi hội giữa bà Tại và bà L như thế nào thì ông không biết, ông Đ có ý kiến để khi nào bà Tại ra tù sẽ trả tiền hội cho bà L, còn ông Đ thì không có liên quan gì đến việc chơi hội này. Trước đây khi bà Tại và bà L tham gia chơi hội thì có khi bà Tại bận công việc nên có mượn ông đi gom hội giúp một hai lần, ông Đ chỉ đi gom hội thay cho bà Tại chứ việc chơi hội như thế nào thì ông không biết. Nay bà Nguyễn Thị Thu L yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Rạng Đ cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền 15.400.000đ và không có yêu cầu tính lãi suất phát sinh thì ông Bùi Rạng Đ không đồng ý. Ngoài ra, ông không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Kiểm sát viên đã nhận định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L buộc bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Rạng Đ

có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu L số tiền 15.400.000đ (Mười lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng).

- Về án phí:

+ Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Rạng Đ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 770.000đ;

+ Bà Nguyễn Thị Thu L không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thu L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Rạng Đ có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ hui nên căn cứ **khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự** Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về tranh chấp giao dịch dân sự là đúng quy định. Đồng thời bị đơn cư trú tại huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân theo quy định tại **điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự**.

[2] Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Rạng Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Rạng Đ.

Về nội dung vụ án

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L yêu cầu bà Nguyễn Thị T và chồng là ông Bùi Rạng Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền hui là 15.400.000đ và không có yêu cầu tính lãi suất phát sinh.

Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1.1] Ngày 30 tháng 9 năm 2015 AL (nhằm ngày 11/11/2015 dương lịch) bà Nguyễn Thị T có làm chủ 03 dây hui, hui 1.000.000đ/tháng, bà L có tham gia chơi 01 chân, dây hui có tất cả 24 phần, trong đó có 21 hui viên tham gia, bà L đã đóng hui được 22 kỳ thì bà Tại tuyên bố bế hui, sự việc này có xảy ra trên thực tế vì đã được các đương sự thừa nhận - Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

Nếu chân hui này bà L hốt sẽ được số tiền 22.000.000đ, nhưng nay bà Nguyễn Thị Thu L yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền 15.400.000đ, không có yêu

cầu tính lãi suất phát sinh thì bà Tại đồng ý, xét thấy: đây là ý chí tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[1.2] Đối với yêu cầu ông Bùi Rạng Đ là chồng của bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm liên đới trả số tiền hui cho bà L, Hội đồng xét thấy: Ông Bùi Rạng Đ là chồng của bà Tại, ông Đ cho rằng ông không có liên quan gì đến vụ án, cũng không biết gì về số tiền chơi hui giữa bà Tại và các hui viên là như thế nào. Tuy nhiên, ông Đ biết việc bà Tại và bà L có tham gia chơi hui do bà Tại làm chủ hui. Bên cạnh đó, ông Đ cũng thừa nhận có một vài lần trực tiếp nhận tiền hui từ các hui viên (Đi gom hui thay cho bà Tại). Từ đó, có căn cứ xác định ông Bùi Rạng Đ có liên quan đến việc chơi hui giữa bà Nguyễn Thị T và các hui viên. Do đó, cần buộc ông Bùi Rạng Đ phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Nguyễn Thị T trả số nợ hui cho bà Nguyễn Thị Thu L.

[2] Xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá gạch:

- Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Rạng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật là $15.400.000đ \times 5\% = 770.000đ$.

- Bà Nguyễn Thị Thu L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hui, biên, phường;

- Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 2, 6, 7, 7a, 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu L đối với bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Rạng Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Rạng Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thu L số tiền 15.400.000đ (Mười lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm số

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất với số tiền chậm thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Rạng Đ phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 770.000đ.

- Bà Nguyễn Thị Thu L đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí 385.000đ (Ba trăm, tám mươi năm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003232 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân sẽ được hoàn trả lại khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Từ Văn Nhứt